

Tp. Trà Vinh, ngày 16 tháng 10 năm 2024

Số: 88/2024/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 290/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Thúy K, sinh ngày 01/01/1969, địa chỉ: Số G, đường số H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà K là ông Lê Thanh H, sinh năm 1987, địa chỉ: Số G, đường số H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2023.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Tuyết H1, sinh năm 1968, địa chỉ: Ấp C, xã L, Tp., tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà H1 là:

1/- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965, địa chỉ: ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2024.

2/- Ông Nguyễn Văn Út E, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2023.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1974, địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

3/- Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

4/- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965 (chồng bà H1)

5/- Bà Nguyễn Huỳnh Ngọc Y, sinh năm 1994 (còn bà H1)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Di sản thừa kế của ông Huỳnh Thành T1 và bà Đoàn Thị L là thửa đất số 110 và thửa đất số 72, cùng tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Di sản thừa kế được phân chia cụ thể như sau:

1.1. Bà Huỳnh Thị Thúy K được nhận phần đất có diện tích 607,3m² ký hiệu chữ (A) trong tổng diện tích đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng giá trị phần đất bà K được hưởng trong diện tích thửa đất số 110, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Phần diện tích đất ký hiệu chữ (A) bà K được nhận có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp phần đất có diện tích ký hiệu chữ (C) trong tổng diện tích đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có số đo 9,92m; 16,94m; 26,71m; 22,43m;

Hướng Tây giáp thửa đất số 71 có số đo 34,65m và 49,43m;

Hướng Nam giáp thửa 66 có số đo 10,59m;

Hướng Bắc giáp Công trình đường tỉnh I có số đo 4,74m.

Ngoài ra, bà K còn được quản lý phần đất HLATĐB có diện tích 14,5m² ký hiệu chữ (A1), đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất có ký hiệu (C1) có số đo 3,06m;

Hướng Tây giáp HLATĐB của thửa đất số 71 có số đo 2,89m;

Hướng Nam giáp phần đất có ký hiệu (A) có số đo 4,74m;

Hướng Bắc giáp đường T có số đo 5,07m.

1.2. Bà Huỳnh Tuyết H1 được nhận trọn thửa đất số 110, tờ bản đồ số 9 với diện tích 7.060m² và phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 72, tờ bản đồ số 9, sau khi tách phần đường đi vào mộ và nhà mồ có ký hiệu chữ (C). Phần diện tích đất có ký hiệu chữ (C) bà H1 được nhận có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường vào mộ và đất mộ có số đo 38,15m; 22,4m; 4,57m;
Giáp thửa 74 có số đo 32,34m;

Hướng Tây giáp phần đất có diện tích ký hiệu chữ (A) trong tổng diện tích đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có số đo 9,92m; 16,94m; 26,71m; 22,43m; giáp đường đi vào mộ có số đo 22,4m; 4,52m;

Hướng Nam giáp đất mộ có số đo 3,36m; giáp thửa 66 có số đo 24m;

Hướng Bắc giáp đất mộ có số đo 5,14m, giáp HLATĐB (Công trình đường tỉnh 915B) có số đo 16,22m.

Ngoài ra, bà H1 còn được quản lý phần HLATĐB có diện tích 53,9m² ký hiệu chữ (C1), đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất có ký hiệu (B1) có số đo 3,72m;

Hướng Tây giáp phần đất có ký hiệu (A1) có số đo 3,06m;

Hướng Nam giáp phần đất có ký hiệu (C) có số đo 16,22m;

Hướng Bắc giáp đường T có số đo 15,8m.

1.3. Phần đất mộ và đường đi vào mộ có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 73 có số đo 37,86m; giáp phần đất có diện tích ký hiệu chữ (C) trong tổng diện tích đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có số đo 22,4m; 4,52m;

Hướng Tây giáp phần đất có diện tích ký hiệu chữ (C) trong tổng diện tích đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có số đo 38,15m; 22,4m; 4,75m;

Hướng Nam giáp phần đất có diện tích ký hiệu chữ (C) trong tổng diện tích đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có số đo 5,14m;

Hướng Bắc giáp HLATĐB (công trình Đường T) có số đo 2,02m; giáp phần đất có diện tích ký hiệu chữ (C) trong tổng diện tích đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có số đo 3, 36m;

Hướng Nam giáp phần đất có diện tích ký hiệu chữ (C) trong tổng diện tích đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có số đo 5,14m.

Ngoài ra, phần đất mộ còn có phần HLATĐB có diện tích 7,5m² ký hiệu chữ (B1), đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp HLATĐB của thửa 73 có số đo 3,8m;

Hướng Tây giáp phần đất có ký hiệu (C1) có số đo 3,72;

Hướng Nam giáp phần đất có ký hiệu (B) có số đo 2,02m;

Hướng Bắc giáp đường T có số đo 2,01m.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng: 5.930.000 (năm triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng. Bà Huỳnh Tuyết H1 phải chịu 2.965.000 (hai triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng để trả lại cho bà K. Bà Huỳnh Thị Thúy K phải nộp 2.965.000 (hai triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng, nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng mà bà K đã nộp nên bà K được nhận lại 37.035.000 (ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi lăm nghìn) đồng, trong đó nhận 34.070.000 (ba mươi bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và 2.965.000 (hai triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng từ bà Huỳnh Tuyết H1.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thúy K và bà Huỳnh Tuyết H1 là con của Liệt sĩ Huỳnh Thành T1 nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bà K và bà H1 có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị Thanh T là người thừa kế thế vị của bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1954 (đã chết), được quyền khởi kiện yêu cầu nhận di sản thừa kế khi có yêu cầu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục Thi hành án DS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Bích Chi